

CTY CỔ PHẦN KIÊN HÙNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc

Số: 08 /2018/KH-CBTT

V/v: Giải trình về kết quả kinh doanh theo
các BCTC riêng và hợp nhất quý 3 năm
2018

Kiên Giang, ngày 15 tháng 10 năm 2018

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CỔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA ỦY
BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SGDC TP. HÀ NỘI**

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán nhà nước

- Sở Giao dịch Chứng khoán Tp. Hà Nội

- Tên Công ty: **CÔNG TY CỔ PHẦN KIÊN HÙNG**
- Mã chứng khoán: **KHS**
- Địa chỉ trụ sở chính: 14A, Ấp Tân Điền, Xã Giục Tượng, Huyện Châu Thành, Kiên Giang.
- Điện thoại: (0297) 3912128 Fax: (0297) 3912988
- Người thực hiện công bố thông tin: **NGUYỄN NGỌC ANH**
- Điện thoại (cơ quan): (0297) 3912128 Fax: (0297) 3912988
- Loại thông tin công bố: ☐ 24 giờ ☐ 72 giờ ☐ bất thường ☐ yêu cầu ☒ định kỳ

Nội dung thông tin công bố: Giải trình về số liệu kết quả kinh doanh trên Báo cáo tài chính Công ty mẹ và Báo cáo tài chính hợp nhất Quý 3 năm 2018 chênh lệch hơn 10% so với cùng kỳ. Cụ thể như sau:

I. Tại Báo cáo tài chính riêng Quý 3 năm 2018:

Bảng so sánh lợi nhuận giữa Quý 3 năm 2018 và Quý 3 năm 2017:

Chỉ tiêu	Mã số	Kỳ báo cáo		Chênh lệch	Tỷ lệ
		Quý 3/2018	Quý 3/2017		
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	207,828,123,419	221,152,257,663	(13,324,134,244)	(6)
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	78,944,136	47,987,202	30,956,934	65
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	207,749,179,283	221,104,270,461	(13,355,091,178)	(6)
4. Giá vốn hàng bán	11	186,433,810,482	198,602,781,464	(12,168,970,982)	(6)
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	21,315,368,801	22,501,488,997	(1,186,120,196)	(5)
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	218,578,924	73,073,818	145,505,106	199
7. Chi phí tài chính	22	2,275,543,208	2,002,574,328	272,968,880	14
+ Trong đó: chi phí lãi vay	23	1,854,225,227	1,996,658,353	(142,433,126)	(7)
8. Chi phí bán hàng	25	3,708,920,099	4,487,435,563	(778,515,464)	(17)

9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	4,820,715,965	4,126,345,028	694,370,937	17
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30	10,728,768,453	11,958,207,896	(1,229,439,443)	(10)
11. Thu nhập khác	31		-	-	-
12. Chi phí khác	32	4,000,000	71,954	3,928,046	5,459
13. Lợi nhuận khác	40	(4,000,000)	(71,954)	(3,928,046)	5,459
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	10,724,768,453	11,958,135,942	(1,233,367,489)	(10)
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	24,768,249	24,768,249	-	-
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	(24,768,249)	(24,768,249)	-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	10,724,768,453	11,958,135,942	(1,233,367,489)	(10)

Lợi nhuận sau thuế quý 3 năm 2018 theo BCTC riêng của Công ty Cổ phần Kiên Hùng có kết quả lãi 10,7 tỷ đồng chênh lệch giảm 10,31% so với lợi nhuận của quý 3 năm 2017, chủ yếu đến từ những nguyên nhân sau:

1. Doanh thu tiêu thụ giảm 6% so với cùng kỳ: do doanh thu của mặt hàng bột cá giảm 20% nguyên nhân đến từ sự sụt giảm về sản lượng tiêu thụ mặt hàng đậm cao so với kỳ trước.
2. Chi phí quản lý tăng do tăng chi phí nhân công so với cùng kỳ.

II. Tại Báo cáo tài chính hợp nhất Quý 3 năm 2018:

Chỉ tiêu	Mã số	Kỳ báo cáo		Chênh lệch	Tỷ lệ
		Quý 3/2018	Quý 3/2017		
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	308,502,285,093	311,428,534,575	(2,926,249,482)	(1)
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	78,944,136	47,987,202	30,956,934	65
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	308,423,340,957	311,380,547,373	(2,957,206,416)	(1)
4. Giá vốn hàng bán	11	282,071,817,630	280,815,794,176	1,256,023,454	0
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	26,351,523,327	30,564,753,197	(4,213,229,870)	(14)
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	829,783,949	155,588,740	674,195,209	433
7. Chi phí tài chính	22	5,185,764,149	4,165,187,964	1,020,576,185	25
+ Trong đó: chi phí lãi vay	23	3,688,195,172	4,130,579,007	(442,383,835)	(11)
9. Chi phí bán hàng	25	8,336,023,338	9,612,742,565	(1,276,719,227)	(13)
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6,969,339,268	5,570,675,419	1,398,663,849	25
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30	6,690,180,521	11,371,735,989	(4,681,555,468)	(41)
12. Thu nhập khác	31	-	-	-	-

13. Chi phí khác	32	4,029,245	2,693,699	1,335,546	50
14. Lợi nhuận khác	40	(4,029,245)	(2,693,699)	(1,335,546)	50
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	6,686,151,276	11,369,042,290	(4,682,891,014)	(41)
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	24,768,249	24,768,249	-	-
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	(24,768,249)	(24,768,249)	-	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	6,686,151,276	11,369,042,290	(4,682,891,014)	(41)
19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ	61	8,665,073,693	11,657,698,179	(2,992,624,486)	(26)
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62	(1,978,922,417)	(288,655,889)	(1,690,266,528)	586
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	810	1,090	(280)	(26)
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	810	1,090	(280)	(26)

Lợi nhuận sau thuế quý 3 năm 2018 theo BCTC hợp nhất của Công ty Cổ phần Kiên Hùng giảm 41% so với cùng kỳ năm 2017, do ảnh hưởng kết quả sản xuất kinh doanh của công ty con, cụ thể:

- Lợi nhuận sau thuế của công ty con AOKI âm 4 tỷ đồng tăng 5,8 lần so với mức âm 0,6 tỷ đồng cùng kỳ, do các nguyên nhân như sau:
- Tỷ lệ giá vốn/doanh thu quý 3/2018: 95,2% so với tỷ lệ giá vốn/doanh thu cùng kỳ năm 2017 : 91,6% , nguyên nhân do việc khan hiếm nguyên liệu đã đẩy giá mua nguyên liệu tăng 18%, đồng thời sản lượng sản xuất giảm 23% so với cùng kỳ.
- Chi phí quản lý tăng 49% so với cùng kỳ năm trước do tăng chủ yếu ở chi phí phân bổ công cụ dụng cụ vào sản xuất.
- Chi phí tài chính tăng 35% so với cùng kỳ năm trước do tăng lỗ chênh lệch tỷ giá ảnh hưởng của việc tăng tỷ giá đồng USD lên 2%.

Dưới đây là thông tin chi tiết về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh Quý 3 năm 2018 của công ty con – Công ty TNHH Thủy sản Aoki:

Chỉ tiêu	Mã số	Kỳ báo cáo		Chênh lệch	Tỷ lệ
		Quý 3/2018	Quý 3/2017		
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1	104,680,265,794	95,498,868,792	9,181,397,002	10
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	104,680,265,794	95,498,868,792	9,181,397,002	10
4. Giá vốn hàng bán	11	99,644,111,268	87,435,604,592	12,208,506,676	14
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	5,036,154,526	8,063,264,200	(3,027,109,674)	(38)
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	611,205,025	82,514,922	528,690,103	641
7. Chi phí tài chính	22	2,910,220,941	2,162,613,636	747,607,305	35

9. Chi phí bán hàng	25	4,627,103,239	5,125,307,002	(498,203,763)	(10)
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	2,148,623,303	1,444,330,391	704,292,912	49
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30	(4,038,587,932)	(586,471,907)	(3,452,116,025)	589
14. Lợi nhuận khác	40	(29,245)	(2,621,745)	2,592,500	(99)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	(4,038,617,177)	(589,093,652)	(3,449,523,525)	586
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	(4,038,617,177)	(589,093,652)	(3,449,523,525)	586

Trên đây là nội dung giải trình của Công ty Cổ phần Kiên Hùng về các nguyên nhân dẫn đến kết quả kinh doanh có lãi và lợi nhuận trong Quý 3 năm 2018 chênh lệch giảm lớn so với Quý 3 năm 2017.

Thông tin trên được đăng tải trên Trang thông tin điện tử của Công ty tại địa chỉ: <http://www.kihuseavn.com/>.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT

NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN CBTT



NGUYỄN NGỌC ANH